TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 149/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp . Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Phương Hữu T, sinh năm 1994; Địa chỉ thường trú: ấp P, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị Đài T1, sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: ấp P, xã C, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ cư trú: 3 H, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 được xác lập vào năm 2019, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy, tình cảm giữa ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 xác định có 01 con chung, họ tên Trần Phương Hữu K, sinh ngày 07/09/2021.

Sau khi ly hôn giao bà Nguyễn Thị Đài T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Phương Hữu K, sinh ngày 07/09/2021. Ông Trần Phương Hữu T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Thi hành vào ngày 05 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 05/04/2026 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Trần Phương Hữu T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Trần Phương Hữu T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Phương Hữu T được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con giữa của ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 là tự nguyện và phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 13/5/2019 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long cấp).

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Phương Hữu T và bà Nguyễn Thị Đài T1 xác định có 1 người con chung tên là Trần Phương Hữu K, sinh ngày 07/09/2021.

Sau khi ly hôn giao bà Nguyễn Thị Đài T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Phương Hữu K, sinh ngày 07/09/2021. Ông Trần Phương Hữu T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Thi hành vào ngày 05 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 05/04/2026 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Trần Phương Hữu T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Trần Phương Hữu T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Phương Hữu T được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một

hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0008731 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân D